

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

QUỐC TẾ HÓA ĐỒNG YÊN

PTS. LÊ VĂN T

Phó hiệu trưởng Đại học Ngân hàng TP. HC

Nước Nhật như là ngân hàng quốc tế

Vai trò của Nhật bản trong việc cung ứng vốn toàn cầu đã tăng lên đáng kể trong thập niên vừa qua, phản ánh trên 2 phương diện: Thặng dư trên tài khoản hiện hành, tức số tiết kiệm quốc gia vượt quá đầu tư trong nước - và xuất hiện như là một trung tâm tài chính quốc tế. Năm 1985, Nhật Bản đã trở thành người nắm giữ lớn nhất tài sản ở nước ngoài. Hơn thế nữa, vào cuối năm 1989, dân chúng của Nhật đã gởi tài sản của mình ở nước ngoài hơn 290 tỷ đô-la, tăng trung bình vào khoảng 30 tỷ đô-la trong nửa đầu của thập niên. Hầu như 60% trái quyền ở nước ngoài là dài hạn, trong khi đó hơn 60% nợ phải trả (liabilities) của quốc gia trong bảng cân đối tài khoản của các ngân hàng là ngắn hạn. Cũng như vậy, tỷ lệ nợ phải trả ngắn hạn của Nhật so với dự trữ chính thức đã tăng lên đáng kể suốt trong những năm của thập niên này. Mặc dù như vậy, nhưng trung gian tài chính của Nhật đã góp phần vào việc kích thích các doanh nghiệp nước ngoài nhận lấy số nợ phải trả cho họ bằng đồng yên hay chưa? Rõ ràng là chưa. Trái ngược với các trường hợp của Anh và Mỹ trước đây, việc cho vay vốn dài hạn và đi vay ngắn hạn trước tiên, là bằng đồng tiền riêng của họ, các ngân hàng thương mại của Nhật đòi hỏi trước hết, chuyển hóa kỳ hạn nợ của quỹ ngoại tệ vay theo thời hạn ngắn và quỹ đầu tư bằng các công cụ vay nợ dài hạn ra tiền nước ngoài. Do thị trường tài chính của Nhật điều chỉnh trong một vài phạm vi hạn chế về lãi suất hoàn trả trong một số công cụ tài chính (so với những lãi suất hiện tại ở một vài trung tâm tài chính khác), các cơ quan tài chính Nhật Bản đã tìm cách đầu tư vốn vững chắc của mình vào các nước công nghiệp khác, bằng các công cụ tín dụng không bằng đồng yên: trước năm 1980 khoảng 75% trong tổng số vốn dài hạn của Nhật xuất khẩu trực tiếp sang các nước công nghiệp.

Các ngân hàng Nhật Bản cũng như vài tổ hợp phi tài chính đã lợi dụng

điều kiện tín dụng ưu đãi trong thị trường vốn quốc tế bằng cách vay nợ vốn ngắn hạn để nhận trái phiếu dài hạn ở nước ngoài. Mặc dù suốt những năm của thập niên 1980 số lượng cho vay ra nước ngoài của các ngân hàng Nhật tăng lên nhưng 10 năm lại đây vẫn giữ ở mức 1/2 số tiền cho vay bằng đồng yên ra nước ngoài. Hơn thế nữa, việc đầu tư trực tiếp ra các nước phát triển so với tổng số xuất khẩu tư bản của Nhật ít hơn 5% và trong đó, phần lớn hướng vào các nước phát triển ở Asia. Sự thực quá trình xuất hiện đồng sterling và đồng đô-la như là một đồng tiền thế giới chính là nhờ tích lũy bằng đồng tiền sterling và đô-la ở các nước phát triển (hay các nước đang tái thiết) trong thanh toán và đầu tư để trả nợ nhập khẩu và cho vay vốn phát triển, trong khi đó đồng yên lại xuất hiện ít hơn so với đồng sterling và đô-la (loại trừ trong các trường hợp của các nước phát triển ở Asia).

Một câu hỏi khác đặt ra: các ngân hàng Nhật Bản cho vay một cách rộng rãi bằng đồng ngoại tệ ra nước ngoài nhằm thu lợi cao nhưng tại sao các ngân hàng Nhật vẫn cứ phải đi vay trước hết, bằng ngoại tệ?

Lý do đầu tiên, như đã được đề cập ở trên, đó là sự vắng bóng một thị trường chấp nhận thanh toán (acceptance market) được phát triển tốt của những nhà ngân hàng và thực tế cả 2 phần xuất khẩu và nhập khẩu được thực hiện bằng một đồng tiền khác ngoài đồng yên. Kết quả là, các ngân hàng Nhật thường xuyên đi vay nợ ngắn hạn để hình thành một "impact loans" (vay tiền nước ngoài cho các doanh nghiệp trong nước) để tài trợ ngoại thương trong nước. Thứ hai, việc vay nợ như vậy có lợi hơn là vay nợ bằng đồng yên Nhật. Ví dụ, nhu cầu dự trữ trên toàn bộ khả năng thanh toán ngoại hối cho người dân trong nước, không tính đến độ dài và quy mô của nó, bao giờ cũng thấp hơn nhu cầu dự trữ trong tài khoản tiền gởi bằng đồng yên, và không giống như lãi suất phải trả cho các tài khoản tiền gửi

khác, thường xuyên bị điều chỉnh, lãi suất trên tài khoản ngoại tệ được điều chỉnh trong sự biến động chung của thị trường quốc tế. Thứ ba, sự tồn tại của những giới hạn điều chỉnh thận trọng về tỷ giá hối đoái của ngân hàng. Đặc biệt tỷ giá hối đoái của ngân hàng không thể vượt quá giới hạn (tích cực hoặc tiêu cực) vào thời điểm đóng cửa giao dịch của mỗi ngày. Thực tế, ngân hàng cho vay bằng ngoại tệ, điều chỉnh thận trọng sẽ thúc đẩy các ngân hàng cũng đi vay ngoại tệ.

Mặc dù nước Nhật đã và đang cung ứng vốn cho thế giới nhưng vì cung ứng đó đã không tạo thuận lợi cho việc sử dụng có tính chất quốc tế đồng yên. Khi những doanh nghiệp nước ngoài không vay nợ bằng đồng yên, họ chỉ còn có một chút ít khích lệ từ việc dùng đồng yên để trả nợ khi đi hạn. Ngoài ra trong thực tế, thị trường tài chính của Nhật Bản được điều chỉnh một cách chặt chẽ, duy trì một cách chặt chẽ và yếu ớt trong một vài khu vực đã không kích thích việc nắm giữ vốn ngắn hạn bằng đồng yên của các doanh nghiệp nước ngoài.

Việc sử dụng đồng yên... như là một đồng tiền ghi sổ trong buôn bán quốc tế

Những số liệu gần đây bước đầu đã khẳng định đồng yên được sử dụng như đồng tiền quốc tế mặc dù có tăng lên nhưng vẫn còn ở mức độ rất khiêm tốn. Trong cán cân xuất khẩu của Nhật Bản bằng đồng yên đã tăng 17,5% năm 1975 lên 40% năm 1989 trước khi giảm xuống còn khoảng 30% vào 5 năm cuối của thập niên 1980. Ngược lại với hiện tượng trên, với khoảng 96% xuất khẩu của Mỹ là bằng đồng đô-la, trong khi đó đồng tiền quốc gia sử dụng trong quan hệ xuất khẩu phần lớn các nước châu Âu từ 40-80% (Đức là có tỷ lệ cao nhất). Bộ phận nhập khẩu của Nhật bằng đồng yên tăng lên một cách đáng kể, từ chỉ hơn 1% năm 1975 đến khoảng 10% năm 1989 nhưng trong cán cân nhập khẩu bằng tiền hóa đơn (invoice currency) (*) vẫn còn thấp so với

5%) và so với phần lớn các nước châu Á (27-52%) vào cuối những năm 1980.

Bảng 1
ĐỒNG YÊN TRONG NGOẠI THƯƠNG THEO KHU VỰC

	1983	1987	1989
Nhập khẩu:			
Tất cả các khu vực	40,5	34,7	34,7
Châu Mỹ	14,0	16,8	16,4
Châu Âu	51,0	53,1	42,2
Đông Nam Á	48,0	36,3	43,5
Châu Á	52,0	36,0	
Châu Mỹ La tinh		36,6	
Châu Phi (1)		58,4	
Xuất khẩu:			
Tất cả các khu vực	3,0	11,6	14,1
Châu Mỹ	5,0	9,4	10,2
Châu Âu	13,0	27,1	27,7
Đông Nam Á	2,0	13,9	19,5
Châu Á		1,3	1,5
Châu Mỹ La tinh		8,4	8,3
Châu Phi (1)		2,3	10,9

Nguồn: Bộ Tài chính Nhật Bản
bao gồm Cộng hòa Nam Phi

Ngành giao dịch ngoại thương khu vực

Đồng invoicing yên sử dụng trong tất cả các khu vực Đông Nam Á giảm xuống trong những năm từ 1983-1989 (xem bảng 1) nhưng đồng invoicing yên trong nhập khẩu từ các nước Đông Nam Á lại tăng lên một cách đáng kể. Mặc dù cán cân nhập khẩu bằng invoicing yên vào khoảng 7% từ các nước Đông Nam Á nhưng vẫn không đóng vai trò gì đáng kể trong việc sử dụng đồng yên trong kinh toán đối với các nước vùng Đông Nam Á.

Yên là một trung gian trao đổi

Trở lại vấn đề sử dụng đồng yên trong thị trường tài chính quốc tế, bộ phận đồng yên trong cho vay của Ngân hàng ngoại thương tăng lên một cách đáng kể cho đến 1985, đạt 18,5% nhưng lại giảm xuống còn 5,5% giống như những năm đầu của thập niên 1980. Đối với trái khoán công ty (bond) phát hành ngoài nước, bộ phận bằng đồng yên tăng lên từ chỗ ít hơn 6% trong những năm đầu của thập niên 1950 lên 8% (mặc dù phần bằng đồng yên trong năm 1988 và 1989 giảm xuống). Cuối cùng trong tài khoản tiền bằng đồng yên châu Âu tăng lên từ 2% trước những năm 1980 lên 7% trong năm 1989. Từ 1987, phần bằng đồng yên trong 3 thị trường tài chính quốc tế lại giảm.

Yên là đồng tiền được sử dụng trong buôn bán quốc tế:

Tầm quan trọng của tiền tệ trong kinh tế năng là đơn vị hạch toán; trung gian trao đổi và cất trữ có thể được thể hiện trong các dự trữ chính thức. Phần đồng yên trong ngoại thương giữ ở mức cao trong các nước Đông

Bảng 2
VIỆC SỬ DỤNG CHÍNH THỨC TRONG TRAO ĐỔI NGOẠI THƯƠNG 1980-1989

	1980	1983	1986	1989
Đồng yên Nhật				
- Trong tất cả các nước	4,4	5,0	7,9	7,9
- Trong các nước Asia	13,9	15,5	22,8	17,5
Đồng đô-la				
- Trong tất cả các nước	68,6	71,4	67,1	60,2
- Trong các nước Asia	48,6	55,7	48,4	56,4
Đồng deutschemark				
- Trong tất cả các nước	14,9	11,8	14,6	19,3
- Trong các nước Asia	20,6	16,7	16,7	15,2

Nguồn: Báo cáo hàng năm của IMF (IMF Annual Report) 1990

Nam Á hơn là thuộc các nước khác trong 10 năm lại đây (xem bảng 2).

Vào các năm 1980 và 1989, bộ phận đồng yên trong dự trữ chính thức giữa các nước Asian tăng lên đáng kể, trước những năm 1980 khoảng 17% được nắm giữ bằng đồng yên. Mặc dù vậy, một cân đối lớn hơn lại bằng đô-la (56%) và một bộ phận đáng kể (15%) bằng đồng deutschemark. Trái lại, ở các nước châu Âu, khoảng 25% dự trữ của họ bằng đồng deutschemark và chỉ có 5% là bằng đồng yên. Rõ ràng điều đó chỉ ra rằng khu vực sử dụng đồng yên trong các buôn bán quốc tế mặc dù có tăng lên nhưng vẫn còn rất thấp so với đồng deutsche mark trong châu Âu.

KẾT LUẬN

Việc xuất hiện đồng yên như là một bộ phận chủ yếu của hệ thống tiền tệ quốc tế có quan hệ trực tiếp đến vai trò của nó như là một đồng tiền chủ lực trong các nước Asia. Mặc dù việc sử dụng đồng yên như là một đồng tiền khu vực ở Đông Nam Á đã tăng lên

trong những năm của thập niên này, cả trong buôn bán và trong dự trữ ở các nước Asia, nhưng khu vực đồng yên vẫn chưa được xuất hiện. Việc đề cho đồng yên xuất hiện trong tương lai với tư cách đồng tiền khu vực còn tùy thuộc vào chính sách mở cửa, bề rộng và chiều sâu của hệ thống tài chính Nhật Bản. Trong mối liên hệ này, những biện pháp gần đây nhằm điều chỉnh thị trường tài chính Nhật Bản và nhằm làm dễ dàng việc xuất khẩu tư bản quốc gia... báo trước một sự sử dụng rộng rãi đồng yên như là đồng tiền quốc tế. Với những biện pháp tổng hợp nêu trên sẽ làm cho Nhật Bản xuất hiện như là nhà ngân hàng quốc tế để cho việc xuất khẩu và nhập khẩu tư bản dẫn tới việc sử dụng tăng lên của đồng yên, làm nổi bật địa vị khu vực và quốc tế của đồng yên.

(*) invoicing currency là đồng tiền nào đó, sử dụng trong buôn bán quốc tế được ghi trong hóa đơn mua bán hàng hóa.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC KINH TẾ

VĂN PHÒNG TƯ VẤN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Thực hiện tư vấn và dịch vụ:

- Tổ chức hoàn thiện hệ thống kế toán; ứng dụng kế toán trên máy vi tính: kiểm toán nội bộ; kế toán quản trị doanh nghiệp...
- Lập luận chứng kinh tế - tài chính; phân tích, hoạch định và kiểm soát tài chính các doanh nghiệp...
- Hoạt động ở ngân hàng: Thủ tục vay vốn, ký thác, chuyển tiền, thanh toán...
- Tư vấn pháp luật, tổ chức hội thảo, huấn luyện về lĩnh vực chứng khoán, kế toán - tài chính - ngân hàng...

Quý khách có nhu cầu dịch vụ trên, xin liên hệ:

SỐ 54 NGUYỄN VĂN THỦ. Q. I. ĐT: 297.233

(Cơ sở E của trường Đại học Kinh tế TP.HCM)